

Bản án số: 565/2020/HC-PT

Ngày 22 tháng 10 năm 2020

“V/v khiếu kiện quyết định hành chính
về quản lý và sử dụng đất đai”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hồng.

Các thẩm phán: Ông Lê Hoàng Tấn.

Ông Chung Văn Kết.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Tuyết - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 22 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 431/2020/TLPT-HC ngày 12 tháng 8 năm 2020 về “Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý và sử dụng đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 07/2020/HC-ST ngày 24/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3691/2020/QĐPT-HC ngày 06 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

1.1. Bà Ngô Thị X, sinh năm 1955, có mặt.

1.2. Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1950.

Đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Văn D có bà Ngô Thị X. Cùng địa chỉ: Khóm 3, thị trấn Z, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. (Theo văn bản ủy quyền ngày 20/6/2020).

2. Người bị kiện:

2.1. Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh C (Có văn bản xin vắng mặt).

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh C (Có văn bản xin vắng mặt).

Đại diện hợp pháp của người bị kiện có ông Nguyễn Phương B, phó chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh C. (Theo văn bản ủy quyền ngày 16/3/2020), có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh C. Địa chỉ số 2, đường K, phường 5, thành phố Cà Mau. (Có văn bản đề nghị vắng mặt)

3.2. Bà Ngô Thị L sinh năm 1985, ông Ngô Văn M sinh năm 1986. Địa chỉ: Khóm 4, thị trấn Z, huyện Đ, tỉnh Cà Mau, vắng mặt.

4. Do có kháng cáo của: Bà Ngô Thị X và ông Nguyễn Văn D là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 06/12/2020 người khởi kiện bà Ngô Thị X và ông Nguyễn Văn D trình bày: Sau năm 1975 chị bà X là bà Ngô Thị L được Công ty Thương Nghiệp chi nhánh huyện Đ cho một phần đất để cất nhà ở. Năm 1979 Công ty Thương Nghiệp giải thể, bà Liễu không còn việc làm, đời sống khó khăn nên bà Liễu để lại căn nhà cho vợ chồng bà X với ông D để trừ số nợ 4,8 lượng vàng 24k. Bà X được Ủy ban nhân dân thị trấn Z chấp thuận theo giấy xác nhận ngày 11/11/2004. Tuy nhiên do ông D bị bệnh phải đi điều trị không có mặt tại địa phương nên phần nhà của vợ chồng ông D, bà X bị ông Phạm Lý H và ông Nguyễn Tuấn Kiệt phá dỡ nhà và chiếm đất. Vợ chồng bà X có khởi kiện yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện Đ giải quyết buộc ông Hòa và ông Kiệt trả lại 48m² đất.

Ngày 05/4/2006 Chủ tịch Ủy ban nhân dân (Viết tắt Chủ tịch UBND) huyện Đ ban hành Quyết định số 03/QĐ-UBND (viết tắt Quyết định số 03) bác đơn yêu cầu của bà X về việc đòi lại phần đất ngang 4 mét dài 12 mét tọa lạc tại khóm 4, thị trấn Z, huyện Đ tỉnh Cà Mau. Giao cho UBND thị trấn Z phối hợp với Ban quản lý dự án các công trình xây dựng cơ bản huyện tiếp tục triển khai thực hiện giải tỏa, sắp xếp tái định cư phần mở rộng dự án khu nhà ở số 01 thị trấn Z đã được xét duyệt. Không đồng ý với Quyết định số 03 nên bà X khiếu nại.

Ngày 04/02/2008 Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau ban hành Quyết định số 230/QĐ-UBND (viết tắt Quyết định số 230) giải quyết bác đơn khiếu nại của bà X, giữ nguyên Quyết định số 03 của Chủ tịch UBND huyện Đ. Sau đó bà X làm đơn yêu cầu giải quyết nhà tái định cư nhưng UBND huyện Đ không giải quyết nên bà X phải thuê nhà ở từ năm 2002 đến nay.

Nay bà X và ông D khởi kiện yêu cầu Hủy Quyết định số 03 của Chủ tịch UBND huyện Đ. Yêu cầu UBND huyện Đ bồi thường cho bà X và ông D tiền thuê nhà ở từ năm 2002 đến nay bằng số tiền 119.000.000 đồng.

- Tại Văn bản số 1147/UBND-VP ngày 26/3/2020 và lời trình bày của người đại diện của người bị kiện UBND huyện Đ có ý kiến: Trong Quyết định số 03 ngày 05/4/2002 của Chủ tịch UBND huyện Đ có khẳng định: Qua thẩm tra, xác minh các chứng cứ có liên quan, nguồn gốc phần đất này từ trước đến nay do Nhà nước quản lý để quy hoạch khu dân cư thuộc dự án khu nhà ở số 01, thị trấn Z, huyện Đ. Trong thời gian chưa triển khai thực hiện dự án có nhiều hộ dân đến cất nhà trái phép (trong đó có hộ bà Ngô Thị X và ông Nguyễn Tuấn Kiệt). Như vậy Quyết định số 03 không phải là quyết định giải quyết tranh chấp đất đai.

Đối với việc xét cấp nền nhà tái định cư: Ngày 20/01/2006 Chủ tịch UBND huyện Đ đã ban hành Quyết định số 04/QĐ-CT.UBND về việc phê duyệt danh sách

tái định cư phần mở rộng dự án khu nhà ở số 1, thị trấn Z, huyện Đ và bà X được xét tái định cư. Ngày 12/8/2013 Ban quản lý dự án các công trình xây dựng cơ bản huyện tiến hành bàn giao mặt bằng cho bà Ngô Thị X với chiều ngang 4 mét chiều dài 15 mét, diện tích 60m² bà X có ký nhận. Ngày 19/9/2013 bà X đã được UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 395297 tại thửa số 170 tờ bản đồ số 26 diện tích 60m² đất tại đường Phạm Văn Hoài, khóm 4, thị trấn Z, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. Ngày 27/9/2013 bà X đã chuyển nhượng đất cho bà Dương Hồng C. Sau đó bà Chi được UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 21/10/2013 số BP 395528 tại thửa số 170 tờ bản đồ số 29 diện tích 60m² đất tại đường Phạm Văn Hoài, khóm 4, thị trấn Z, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Do đó UBND huyện Đ không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà X và ông D về việc yêu cầu hủy Quyết định số 03 của Chủ tịch UBND huyện Đ và yêu cầu UBND huyện Đ bồi thường tiền thuê nhà từ năm 2002 đến nay.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau:* Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 07/2019/HC-ST ngày 24/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau đã quyết định:

- Căn cứ điểm g khoản 1 Điều 143, khoản 2 Điều 165, điểm a khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 345 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 204 Luật Đất đai năm 2013 khoản 1 Điều 18 Luật khiếu nại; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ việc giải quyết vụ án về khởi kiện của bà Ngô Thị X và ông Nguyễn Văn D đối với yêu cầu hủy Quyết định số 03/QĐ-UBND Ngày 05/4/2006 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị X và ông Nguyễn Văn D đối với yêu cầu đòi Ủy ban nhân dân huyện Đ bồi thường số tiền thuê nhà ở từ năm 2002 đến nay là 119.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/7/2020 người khởi kiện bà Ngô Thị X, ông Nguyễn Văn D kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- Người khởi kiện bà Ngô Thị X, ông Nguyễn Văn D có bà Ngô Thị X làm đại diện giữ nguyên kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết hủy Quyết định số 03 của Chủ tịch UBND huyện Đ và yêu cầu UBND huyện Đ bồi thường cho gia đình bà X số tiền 119.000.000 đồng.

- Người đại diện hợp pháp của UBND huyện Đ không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bà X, ông D. Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng hành chính; Các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính tại phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung: Đơn kháng cáo của bà X và ông D trong hạn luật định đủ điều kiện để xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Xét yêu cầu kháng cáo của người kiện là không có cơ sở. Nên đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của người khởi kiện của bà X và ông D trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Người khởi kiện bà X và ông D khởi kiện Quyết định số 03/QĐ-UBND (viết tắt Quyết định số 03) của Chủ tịch UBND huyện Đ là Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai. Tòa án sơ thẩm xác định đúng quan hệ pháp luật và thụ lý, giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Tại khoản 1 Điều 2 Nghị Quyết số 104/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Ủy ban vụ Quốc hội quy định: Các vụ án hành chính phát sinh trước ngày 01 tháng 7 năm 2016 thì áp dụng thời hiệu quy định tại Điều 104 của Luật tố tụng hành chính số 64/2010/QH12.

Điều 104. Luật tố tụng hành chính năm 2010 quy định: “1. Thời hiệu khởi kiện là thời hạn mà cá nhân, cơ quan, tổ chức được quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án hành chính bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm; nếu thời hạn đó kết thúc thì mất quyền khởi kiện; 2. Thời hiệu khởi kiện đối với từng trường hợp được quy định như sau: a) 01 năm, kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định hành chính, hành vi hành chính, quyết định kỷ luật buộc thôi việc; ...b) 30 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết khiếu nại về quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh; c) Từ ngày nhận được thông báo kết quả giải quyết khiếu nại của cơ quan lập danh sách cử tri hoặc kết thúc thời hạn giải quyết khiếu nại mà không nhận được thông báo kết quả giải quyết khiếu nại của cơ quan lập danh sách cử tri đến trước ngày bầu cử 05 ngày. 3. Trường hợp vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan khác làm cho người khởi kiện không khởi kiện được trong thời hạn quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều này thì thời gian có sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan khác không tính vào thời hiệu khởi kiện”.

Đối chiếu với quy định trên thấy rằng sau khi Chủ tịch UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 03, bà X có đơn khiếu nại và được Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau giải quyết khiếu nại bằng Quyết định số 230 Ngày 04/02/2008. Sau khi nhận được Quyết định số 230 Ngày 04/02/2008 bà X không có khiếu nại. Đến ngày 16 tháng 12 năm 2019 bà X khởi kiện Quyết định số 03 của UBND huyện Đ là đã hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật tố tụng hành chính. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ điểm g khoản 1 Điều 143 Luật tố tụng hành chính Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính đối với yêu cầu khởi kiện

của bà X và ông D đối với yêu cầu hủy Quyết định số 03 của Chủ tịch UBND huyện Đ là có căn cứ.

[4] Đối với yêu cầu của bà X và ông D đòi UBND huyện Đ bồi thường tiền thuê nhà cho ông, bà từ năm 2002 đến nay bằng số tiền 119.000.000 đồng. Xét thấy ngày 05/4/2006 Chủ tịch UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 03 bác đơn yêu cầu của bà X về việc đòi lại phần đất ngang 4 mét dài 12 mét tọa lạc tại khóm 4, thị trấn Z, huyện Đ tỉnh Cà Mau và giao cho UBND thị trấn Z phối hợp với Ban quản lý dự án các công trình xây dựng cơ bản huyện tiếp tục triển khai thực hiện giải tỏa, sắp xếp tái định cư phần mở rộng dự án khu nhà ở số 01 thị trấn Z đã được xét duyệt.

Ngày 20/01/2006 Chủ tịch UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 04/QĐ-CTUBND phê duyệt danh sách tái định cư phần mở rộng dự án khu nhà ở số 01 thị trấn Z, huyện Đ đã cấp cho bà X một nền nhà tái định cư và bà X đã được UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 19/9/2013 tại thửa số 170 tờ bản đồ số 26 diện tích 60m² đất tọa lạc tại khóm 4, thị trấn Z, huyện Đ. Sau đó bà X đã sang nhượng cho bà Dương Hồng C và bà Chi cũng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 21/10/2013.

Bà X nại ra rằng thửa đất 170 là do bà mua chứ không được cấp tái định cư và tại phiên tòa phúc thẩm thì bà cho rằng phần nền nhà bà sang nhượng cho bà X của con bà. Xét lời trình bày của bà X là chưa phù hợp với chứng cứ được thể hiện trong hồ sơ vụ án nên chưa đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà.

Nên chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà X và ông D, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

[5] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà X và ông D phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 1, Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Nhưng xét bà X và ông D là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án.

Hoàn trả cho bà Ngô Thị X số tiền nộp tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000025 ngày 16/7/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về miễn tiền án phí hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng Hành chính; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo bà Ngô Thị X và ông Nguyễn Văn D. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 07/2020/HC-ST ngày 24/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau. Tuyên xử:

Căn cứ điểm g khoản 1 Điều 143, khoản 2 Điều 165, điểm a khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 345 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 204 Luật Đất đai năm 2013 khoản 1 Điều 18 Luật khiếu nại; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ việc giải quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị X và ông Nguyễn Văn D yêu cầu hủy Quyết định số 03/QĐ-UBND Ngày 05/4/2006 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị X và ông Nguyễn Văn D đối với yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện Đ bồi thường số tiền thuê nhà ở từ năm 2002 đến nay bằng số tiền là 119.000.000 đồng.

3. Về án phí hành chính phúc thẩm:

Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho bà Ngô Thị X và ông Nguyễn Văn D. Hoàn trả cho bà Ngô Thị X số tiền nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000025 ngày 16/7/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về miễn tiền án phí hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án, PQH.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Trần Thị Thúy Hồng